

Số: 44/NQ-HĐND

Phường 3, ngày 17 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của
Hội đồng nhân dân Phường 3 năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG 3
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
KỶ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Tây Ninh và Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND, ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND, ngày 09/12/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh.

Xét Tờ trình số 296/TTr-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của HĐND Phường 3 về dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động năm 2024 của HĐND Phường 3; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND Phường 3 và ý kiến của đại biểu HĐND Phường 3 tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán kinh phí hoạt động năm 2024 theo Tờ trình số 296/TTr-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND Phường 3, tổng số tiền là **328.866.000đ** (Ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)
(Kèm dự toán chi tiết)

Điều 2. Giao Thường trực HĐND quản lý, điều tiết đảm bảo cân đối cho các hoạt động của HĐND Phường 3, thực hiện đúng yêu cầu, chế độ và quyết toán đúng quy định về quản lý tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Phường 3 khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:

- TT.HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Đảng ủy Phường 3;
- UBND Phường 3;
- UBMTTQVN Phường 3;
- Hai Ban HĐND Phường 3;
- Đại biểu HĐND Phường 3;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Kim Bảo Châu

DỰ TOÁN

Kinh phí hoạt động của HĐND Phường 3 năm 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND, ngày 27/12/2023
của Hội đồng nhân dân Phường 3)

Căn cứ vào Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND, ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh.

Thường trực Hội đồng nhân dân Phường 3 lập dự toán kinh phí hoạt động năm 2024 như sau:

I/. CHI PHỤC VỤ KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1/. Chi tiền nước uống:

$(40.000\text{đ}/\text{ngày} \times 60 \text{ đại biểu}) \times 3 \text{ kỳ họp} = 7.200.000\text{đ}$

2/. Chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND, đại biểu khách mời tham dự kỳ họp và thành phần phục vụ kỳ họp:

$(100.000\text{đ} \times 60 \text{ đại biểu}) \times 3 \text{ kỳ họp} = 18.000.000\text{đ}$

3/. Chi bồi dưỡng Chủ tọa và Thư ký kỳ họp:

$(100.000\text{đ} \times 04 \text{ người}) \times 3 \text{ kỳ họp} = 1.200.000\text{đ}$

4/. Chi bồi dưỡng cho việc chuẩn bị văn bản kỳ họp: **11.400.000đ**

- Kỳ họp thường lệ

$(200.000\text{đ} \times 26 \text{ báo cáo, tờ trình và Nghị quyết}) \times 2 \text{ kỳ họp} = 10.400.000\text{đ}$

- Kỳ họp chuyên đề

$(200.000\text{đ} \times 05 \text{ tờ trình và Nghị quyết}) \times 1 \text{ kỳ họp} = 1.000.000\text{đ}$

5/. Chi cho công tác thẩm tra, chỉnh lý dự thảo nghị quyết: **2.070.000 đ**

- Người chủ trì cuộc họp:

$60.000\text{đ}/\text{người}/\text{buổi} \times 02 \text{ người} \times 03 \text{ kỳ họp} = 360.000\text{đ}$

- Các thành viên dự họp theo danh sách:

$(08 \text{ người} \times 40.000\text{đ}) \times 03 = 960.000\text{đ}$

- Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trước và sau khi thông qua:

$50.000\text{đ} \times 15 \text{ nghị quyết} = 750.000\text{đ}$

*** Kinh phí mục 1 đến mục 5 trong đó có dự trù 01 kỳ họp chuyên đề.**

6/. Chi hỗ trợ tiền xăng cho đại diện cử tri được mời tham dự kỳ họp:
 $(40.000\text{đ} \times 07 \text{ người}) \times 2 \text{ kỳ họp} = 560.000\text{đ}$

7/. Chi Văn phòng phẩm phục vụ kỳ họp (giấy A4, bìa nút)

$1.000.000\text{đ}/\text{kỳ họp} \times 02 \text{ kỳ họp} = 2.000.000\text{đ}$

➤ **CỘNG (I): 42.430.000đ**

II/. CHI CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KHẢO SÁT

1/. Chi các văn bản liên quan đến một nội dung khảo sát, giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, giải trình của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân (gồm nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề cương báo cáo, báo cáo kết quả, văn bản điều phối, biên bản và các văn bản có liên quan.....):

- Công tác giám sát, chất vấn giữa 02 kỳ họp, giải trình: **13.200.000đ**

+ Giám sát: 800.000 đồng/cuộc x 14 cuộc = 11.200.000đ

+ Giải trình: 1.000.000 đồng/cuộc x 02 cuộc = 2.000.000đ

2/. Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát: **5.440.000đ**

- Chi Trưởng đoàn giám sát: 60.000đ x 16 cuộc = 960.000đ

- Chi thành viên tham dự: (40.000đ x 7 người) x 16 cuộc = 4.480.000đ

➤ **CỘNG (II): 18.600.000đ**

III/. CHI CÔNG TÁC TIẾP XÚC CỬ TRI

1/. Chi cho tổ chức tiếp xúc cử tri:

(600.000đ x 07 điểm) x 04 cuộc = **16.800.000đ**

2/. Chi cho cá nhân tham gia tiếp xúc cử tri: **8.000.000đ**

- Đại biểu HĐND:

(50.000đ x 19 đại biểu) x 04 cuộc = 3.800.000đ

- Lãnh đạo UBND được mời giải trình TXCT; chủ trì TXCT (Ban công tác mặt trận khu phố); CBCC, nhân viên phục vụ

(50.000đ x 21 đại biểu) x 04 cuộc = 4.200.000đ

3/. Báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri trước và sau kỳ họp thường lệ:

300.000đ/báo cáo x 4 cuộc = **1.200.000 đồng**

➤ **CỘNG (III): 26.000.000đ**

IV/. CHI HỘI NGHỊ CỦA TT.HĐND, HAI BAN HĐND

1/. Chi hội nghị của TT. HĐND Phường: **7.160.000đ**

- Chi tiền nước uống:

20.000đ/người/buổi x 14 người x 07 cuộc = 1.960.000đ

- Hợp giao ban định kỳ quý:

50.000đ/buổi x 14 người x 04 cuộc = 2.800.000đ

- Hợp Thường trực HĐND chuẩn bị cho kỳ họp (trong đó có dự trù 01 kỳ họp chuyên đề): (50.000đ/buổi x 16 người) x 03 cuộc = 2.400.000đ

2/. Chi hội nghị của 02 Ban HĐND họp định kỳ hàng quý (trong đó có 10 đại biểu): **2.800.000đ**

(50.000đ x 10 đại biểu) x 04 quý = 2.000.000đ

- Chi tiền nước uống:

20.000đ/người/buổi x 10 đại biểu x 04 quý = 800.000đ

➤ **CỘNG (IV): 9.960.000đ**

V/. CHI TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HĐND NĂM 2024:

1/. Báo cáo tổng kết năm 2024: 01 báo cáo = **300.000đ**

2/. Chi hỗ trợ đại biểu dự Hội nghị:

50.000đ/người x 50 đại biểu = **2.500.000đ**

- 3/. Chi tiền nước uống:
 $20.000\text{đ}/\text{người}/\text{buổi} \times 50 \text{ người} = 1.000.000\text{đ}$
- 4/. Chi khen thưởng năm 2024: **3.000.000đ**
➤ **CỘNG (V): 6.800.000đ**

VI. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI KHÁC

- 1/. Chi hoạt động phí hàng tháng của TT. HĐND bao gồm:
Văn phòng phẩm: $400.000\text{đ} \times 12 \text{ tháng} = 4.800.000\text{đ}$
- 2/. Chi hỗ trợ khám bệnh:
 $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{năm} \times 19 \text{ đại biểu} = 9.500.000\text{đ}$
- 3/. Chi chế độ thăm hỏi ốm đau, từ trần: **5.000.000đ**
- 4/. Chi chế độ phụ cấp hàng tháng theo quy định cho đại biểu HĐND:
 $(540.000\text{đ}/\text{tháng} \times 19 \text{ đại biểu}) \times 12 \text{ tháng} = 123.120.000\text{đ}$
- 5/. Chi hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm đối với lãnh đạo Hai ban HĐND
- Trưởng ban: hỗ trợ 0,2 mức lương cơ sở/tháng:
 $360.000\text{đ}/\text{tháng} \times 02 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 8.640.000\text{đ}$
- Phó trưởng ban: hỗ trợ 0,13 mức lương cơ sở/tháng:
 $234.000\text{đ}/\text{tháng} \times 02 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 5.616.000\text{đ}$
- 6/. Chi tiền tài liệu cho đại biểu:
 $300.000 \text{ đồng}/\text{tháng}/\text{đại biểu} \times 19 \text{ đại biểu} \times 12 \text{ tháng} = 68.400.000\text{đ}$
➤ **CỘNG (VI): 225.076.000đ**

TỔNG KINH PHÍ DỰ TOÁN: 328.866.000đ
(Ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)